TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 47/2026/QĐST- DS	*Quảng Ninh, ngày 07 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48; Điều 217; khoản 1, 3, 4 Điều 218; Điều 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

Căn cứ khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: nguyên đơn Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết theo bản án sơ thẩm số 01/2025/DS – ST ngày 13/01/2025 của Toà án nhân dân thành phố Hạ Long (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh) và Bản án số 42/2025/DS- PT ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bao gồm: công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/4/1992 giữa ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Xuân Đ là có hiệu lực pháp luật. Ông T đề nghị được quyền sử dụng 155,8 m^2 đất, tại tổ I, khu Đ, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung Toà án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh thụ lý ngày 08/12/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu: Công nhận kết quả hòa giải ngày 28/9/2012 giữa ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Xuân Đ, ông T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp GCNQSD đất phần diện tích đất thực tế còn lại là 141,9 m^2; tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Xuân Đ và ông Trần Kế V được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã V xác nhận ngày 01/5/1996 vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật.

Tại Biên bản làm việc ngày 20/01/2026, ông T xin rút toàn bộ yêu cầu "Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Xuân Đ và ông Trần Kế V được UBND xã V xác nhận ngày 01/5/1996 vô hiệu do vị phạm điều cấm của luật". Đồng thời xác nhận giữa ông T và ông Đ không có tranh chấp bất cứ vấn đề gì, chỉ yêu cầu Toà án công nhận giao dịch chuyển

nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông Đ năm 1992 có hiệu lực pháp luật, đề nghị Toà án công nhận quyền sử dụng đất thực tế 141,9m^2 tại thửa đất số 22 tờ bản đồ 188 tại tổ A, khu Đ, phường H, thành phố H (trước khi sáp nhập địa giới hành chính) cho ông T; đề nghị công nhận kết quả hoà giải ngày 28/9/2012 mà UBND phường V đã lập giữa ông T, ông Đ.

Như vậy, nguyên đơn xác nhận bị đơn không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; giữa nguyên đơn, bị đơn không có tranh chấp; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp người khởi kiện không có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Vũ Đức H) không được chấp nhận yêu cầu độc lập (bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật); đơn yêu cầu độc lập của bà Đồng Thị L, ông Trần Kế V – bà Nguyễn Thị Thu H1 thuộc trường hợp không có quyền yêu cầu, không được Toà án chấp nhận giải quyết trong vụ án;

Căn cứ điểm điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 162/2025/TLST - DS ngày 08 tháng 12 năm 2025, về việc "*Tranh chấp yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất"* giữa:

+ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954;

Nơi cư trú: tổ C, khu C, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Xuân H2 – Luật sư thuộc Văn phòng L1; địa chỉ: số A, ngõ H, phố H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội (địa chỉ trước khi sắp xếp địa giới hành chính).

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1957

Nơi cư trú: tổ I, khu Đ, phường T, tỉnh Quảng Ninh.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Thế V1, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1941.

Nơi cư trú: N khu S, tổ E, phường M, quận H, thành phố Hà Nội (nay là: tổ D, phường V, thành phố Hà Nội).

- Ông Vũ Đức H, sinh năm 1964 và bà Lê Thị Mai Y, sinh năm 1969; cùng nơi cư trú: tổ D, khu F, phường H, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Quảng Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Ông Hà Mạnh H3 – Luật sư Công ty L2; địa chỉ: số D đường N, phường H, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Quảng Ninh.

- Bà Trần Thị Kim T1, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: tổ C, khu C, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

- Bà Đồng Thị L, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: tổ I, khu Đ, phường T, tỉnh Quảng Ninh.

- Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: tổ B, khu Đ, phường T, tỉnh Quảng Ninh.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

- Về tiền tạm ứng án phí: trả lại ông Vũ Đức H số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000989 ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh).

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự, người đại diện hợp pháp;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu